

Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn (VHC: HOSE)

Ngày báo cáo: 01/08/2024
Ngành: THỦY SẢN
CVPTCC: Trần Thùy Trang, BFP ACA
Email: trangtt2@ssi.com.vn
Tel: +84-24 3936 6321 ext. 8705

Khuyến nghị: **KHẢ QUAN**

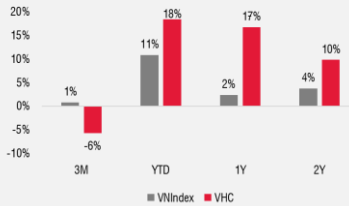
Giá mục tiêu 1Y: **88.000 Đồng**

Giá CP ngày 31/07/2024: 71.200 Đồng

% Tăng giá: **+23,6%**

Giá trị vốn hoá (triệu USD): 628
 Giá trị vốn hoá (tỷ đồng): 15.936
 Số cổ phiếu lưu hành (triệu): 224
 KLGD trung bình 3 tháng (cp): 1.126.262
 Giá cao/thấp nhất 52T (NĐ): 79,3/50,9
 GTGD trung bình 3 tháng (tỷ đồng): 84,6
 Tỷ lệ sở hữu nước ngoài (%): 29,7
 Tỷ lệ sở hữu nhà nước (%): 0

Biến động giá cổ phiếu



Nguồn: SSI Research

Thông tin cơ bản về công ty

VHC là nhà xuất khẩu cá tra lớn nhất Việt Nam. Công ty đã tăng trưởng và trở thành nhà xuất khẩu hàng đầu Việt Nam từ năm 2010. Hoạt động kinh doanh chính của VHC là xuất khẩu cá tra phi lê đông lạnh và sản xuất các loại phụ phẩm và sản phẩm về cá. VHC là một trong số ít những công ty thủy sản Việt Nam có chuỗi cung ứng tích hợp sở hữu toàn bộ chuỗi giá trị từ nuôi trồng, sản xuất thức ăn thủy sản, chế biến, sản xuất cá đông lạnh và lưu trữ kho lạnh. Công ty tập trung mở rộng kinh doanh thủy sản bằng việc mua lại Công ty Xuất nhập khẩu Vạn Đức Tiền Giang.

Sản lượng tiêu thụ phục hồi giúp bù đắp cho mức giảm giá bán bình quân

Luận điểm đầu tư: Chúng tôi duy trì khuyến nghị **KHẢ QUAN** đối với cổ phiếu VHC nhờ triển vọng phục hồi lợi nhuận mạnh trong nửa cuối năm 2024 (+215% svck) và năm 2025 (+29% svck). Chúng tôi kỳ vọng lợi nhuận sẽ phục hồi hoàn toàn trong Q3/2024 sau 7 quý liên tiếp tăng trưởng chậm.

Trong Q2/2024, VHC đã công bố doanh thu thuần và lợi nhuận ròng lần lượt là 3,2 nghìn tỷ đồng (+17,3% svck và +12% so với quý trước) và 336 tỷ đồng (-26,4% svck và +78% so với quý trước). Trong khi doanh thu thuần vượt kỳ vọng của chúng tôi nhờ sản lượng tiêu thụ phục hồi mạnh (+26% svck và +10% so với quý trước theo ước tính của chúng tôi), lợi nhuận ròng phù hợp với ước tính vì Q2/2023 có mức nền lợi nhuận cao nhờ giá bán cá tra bình quân ở mức cao. Chúng tôi lưu ý rằng VHC đạt được kết quả vượt trội so với các công ty cùng ngành, trong khi kim ngạch xuất khẩu cá tra của Việt Nam chỉ tăng +6% svck trong Q2/2024. Ví dụ như, ANV đã công bố doanh thu thuần tăng 11% svck, trong khi lợi nhuận ròng -134% svck.

Lũy kế nửa đầu năm 2024, VHC ghi nhận doanh thu thuần và lợi nhuận ròng lần lượt là 6 nghìn tỷ đồng (+22,4% svck) và 525 tỷ đồng (-23,1% svck), hoàn thành 57% và 66% kế hoạch doanh thu và lợi nhuận ròng năm 2024, đây là một tín hiệu đáng khích lệ cho kết quả kinh doanh cả năm 2024. Ban lãnh đạo kỳ vọng sản lượng tiêu thụ sẽ tiếp đà tăng trưởng trong 6 tháng cuối năm 2024, trong khi giá bán bình quân dự kiến sẽ phục hồi dẫn vào cuối năm. Đối với năm 2024, chúng tôi kỳ vọng công ty sẽ đạt doanh thu thuần và NPATMI lần lượt là 12,1 nghìn tỷ đồng (+20,4% svck) và 1,24 nghìn tỷ đồng (+34% svck). Đối với năm 2025, chúng tôi kỳ vọng doanh thu thuần và NPATMI lần lượt đạt 13,7 nghìn tỷ đồng (+13% svck) và 1,6 nghìn tỷ đồng (+29% svck).

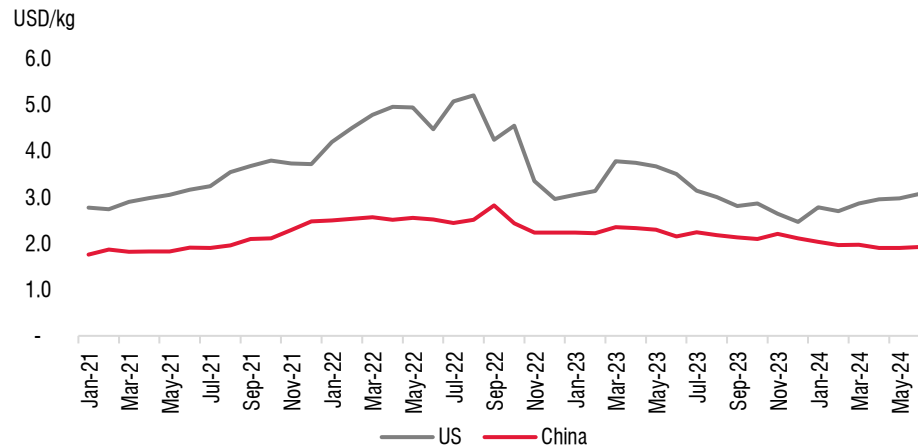
Tỷ đồng	2020	2021	2022	2023	2024F	2025F
Doanh thu thuần	7.037	9.054	13.239	10.033	12.083	13.659
NPATMI	719	1.101	1.977	919	1.235	1.597
Tăng trưởng NPATMI (% YoY)	-39,0%	53,1%	79,5%	-53,5%	34,3%	29,4%
EPS (VND)	3.467	4.906	8.807	4.095	5.501	7.117
ROE (%)	14,3%	20,1%	29,7%	12,0%	15,7%	17,8%
Tỷ suất cổ tức (%)	4,8%	3,2%	2,9%	2,6%	2,8%	2,8%
Nợ/VCSH (%)	0,23	0,32	0,31	0,26	0,31	0,24
P/E (x)	11,94	12,8	7,93	18,8	12,94	10,00
P/B (x)	1,81	2,52	2,11	2,07	1,94	1,68
EV/EBITDA (x)	7,04	7,43	4,69	7,93	6,82	5,2

Nguồn: VHC, SSI Research

Cập nhật ngành

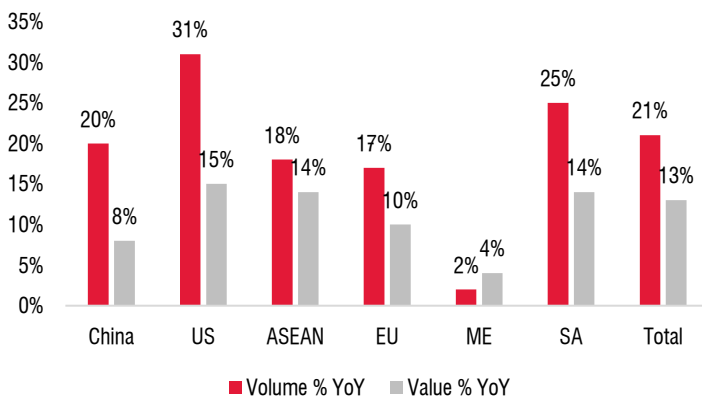
Kim ngạch xuất khẩu cá tra của Việt nam đạt 507 triệu USD (+6% svck và +23% so với quý trước) trong Q2/2024, trong đó xuất khẩu sang Hoa Kỳ tăng 15% svck và +44% so với quý trước. Xuất khẩu sang Trung Quốc tăng 4,4% svck và +30% so với quý trước trong Q2/2024. Những kết quả khả quan này chủ yếu được thúc đẩy nhờ sản lượng tiêu thụ phục hồi, trong khi giá bán bình quân vẫn ở mức thấp. Chúng tôi lưu ý rằng giá bán bình quân đã giảm 17% svck đối với cả thị trường Hoa Kỳ và Trung Quốc trong Q2/2024. Trong khi giá bán xuất sang thị trường Hoa Kỳ có sự cải thiện khi tăng 7% so với quý trước, thì giá bán xuất sang thị trường Trung Quốc giảm 5% so với quý trước. Các doanh nghiệp nhập khẩu đã tận dụng thời điểm giá thấp để tích lũy sản lượng trong nửa đầu năm 2024, khi dự kiến tiêu dùng sẽ phục hồi vào nửa cuối năm 2024. Chúng tôi cũng nhận thấy sự cải thiện về doanh thu theo tháng trong nửa đầu năm 2024, trong đó, sản lượng tiêu thụ tăng mạnh nhất tại thị trường Hoa kỳ trong tháng 6/2024 là 31% svck.

Giá bán cá tra bình quân

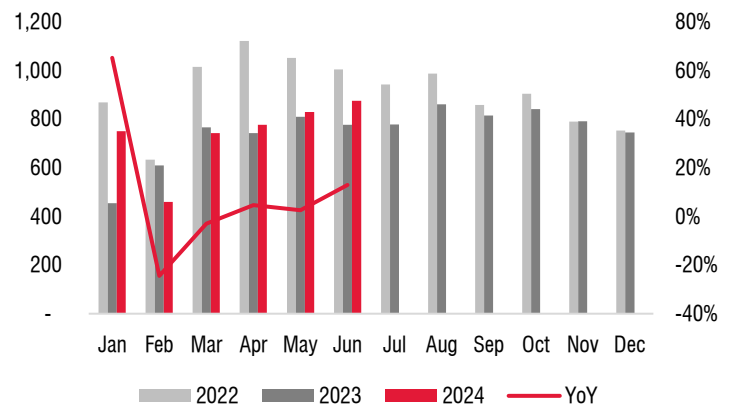


Nguồn: Agromonitor, SSI Research

Tăng trưởng xuất khẩu cá tra trong tháng 6/2024 tại các thị trường



Kim ngạch xuất khẩu thủy sản (triệu USD)



Nguồn: Agromonitor, SSI Research

KQKD Q2/2024

Tỷ đồng	2024	2023	YoY	1Q24	QoQ	% hoàn thành kế hoạch năm	Biên lợi nhuận			
							2024	2023	1Q24	2023
Doanh thu thuần	3.196	2.724	17,3%	2.856	11,9%	57%				
Lợi nhuận gộp	462	580	-20,4%	266	73,4%		14,4%	21,3%	9,3%	14,9%
Lợi nhuận hoạt động	372	532	-30,0%	198	87,8%		11,6%	19,5%	6,9%	12,5%
EBIT	410	564	-27,3%	235	74,7%		12,8%	20,7%	8,2%	12,7%
EBITDA	522	661	-20,9%	341	53,0%		16,3%	24,3%	12,0%	16,8%
Lợi nhuận trước thuế	393	521	-24,5%	217	81,4%		12,3%	19,1%	7,6%	11,4%
Lợi nhuận ròng	336	457	-26,4%	189	77,7%	66%	10,5%	16,8%	6,6%	9,7%
Lợi nhuận ròng thuộc về cổ đông công ty mẹ	314	439	-28,5%	170	85,1%		9,8%	16,1%	5,9%	9,2%

Nguồn: VHC, SSI Research

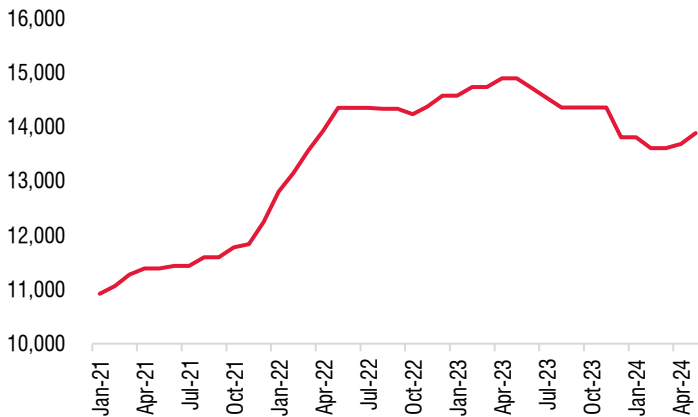
Trong Q2/2024, VHC đã công bố doanh thu thuần và lợi nhuận ròng lần lượt là 3,2 nghìn tỷ đồng (+17,3% svck và +12% so với quý trước) và 336 tỷ đồng (-26,4% svck và +78% so với quý trước). Trong khi doanh thu thuần vượt kỳ vọng của chúng tôi nhờ sản lượng tiêu thụ phục hồi mạnh (+26% svck và +10% so với quý trước theo ước tính của chúng tôi), lợi nhuận ròng phù hợp với ước tính vì Q2/2023 có mức nền lợi nhuận cao nhờ giá bán cá tra bình quân ở mức cao. Chúng tôi lưu ý rằng VHC đạt được kết quả vượt trội so với các công ty cùng ngành, trong khi kim ngạch xuất khẩu cá tra của Việt Nam chỉ tăng +6% svck trong Q2/2024. Ví dụ như, ANV đã công bố doanh thu thuần tăng 11% svck, trong khi lợi nhuận ròng -134% svck. Lũy kế nửa đầu năm 2024, VHC ghi nhận doanh thu thuần và lợi nhuận ròng lần lượt là 6 nghìn tỷ đồng (+22,4% svck) và 525 tỷ đồng (-23,1% svck), hoàn thành 57% và 66% kế hoạch doanh thu và lợi nhuận ròng năm 2024, đây là một tín hiệu đáng khích lệ cho kết quả kinh doanh cả năm 2024.

Doanh thu cá tra phi lê đạt 2,2 nghìn tỷ đồng (+17% svck và +18% so với quý trước), trong đó doanh thu xuất sang thị trường Hoa Kỳ (chiếm 56% doanh thu cá tra) đạt 1 nghìn tỷ đồng (+13% svck và +45% so với quý trước). Chúng tôi lưu ý rằng giá bán bình quân cá tra phi lê tại thị trường Hoa Kỳ đã giảm 17% svck, nhưng tăng 7% so với quý trước. Điều này lý giải cho sản lượng tiêu thụ tại thị trường Hoa Kỳ phục hồi 30% svck và +38% so với quý trước. Chúng tôi nhận thấy rằng người mua đã tích lũy lượng lớn cá tra để tận dụng mức giá thấp hiện tại với kỳ vọng về sự phục hồi tiêu thụ trong nửa cuối năm 2024. Ngoài ra, giá cá rô phi Trung Quốc (sản phẩm thay thế trực tiếp cho cá tra) đã tăng mạnh lên 3,9 USD/kg (+14% svck) trong nửa đầu năm 2024 do thiếu nguồn cung. Dẫn đến việc giảm nhập khẩu cá rô phi và tăng nhập khẩu cá tra vào thị trường Hoa Kỳ.

Biên lợi nhuận gộp tổng thể đạt 14,4%, giảm 690 điểm cơ bản svck trong khi cải thiện 510 điểm cơ bản so với quý trước. Điều này phù hợp với diễn biến của giá bán bình quân cá tra phi lê (-17% svck và +7% so với quý trước). Về mặt chi phí, chi phí thức ăn thủy sản và chi phí cá nguyên liệu cũng lần lượt giảm 7% và 3% svck.

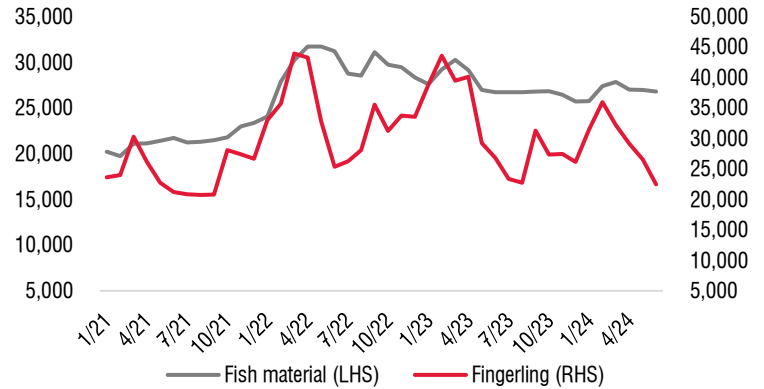
Trong khi giá xuất khẩu vẫn ở mức thấp, VHC đã tích cực đẩy mạnh doanh thu tại thị trường nội địa với các sản phẩm chính là thức ăn thủy sản (từ nhà máy FeedOne), cá tra và các sản phẩm phụ. Doanh thu nội địa tăng 10% svck trong Q2/2024, đóng góp 25% vào tổng doanh thu của VHC trong nửa đầu năm 2024. Doanh thu từ sản phẩm wellness phục hồi 30% svck, cho thấy nhu cầu phục hồi và niềm tin của người tiêu dùng tăng lên.

Giá bán bình quân thức ăn thủy sản (Đồng/kg)



Nguồn: Agromonitor, SSI Research

Giá cá nguyên liệu và cá giống (Đồng/kg)



Nguồn: VASEP, SSI Research

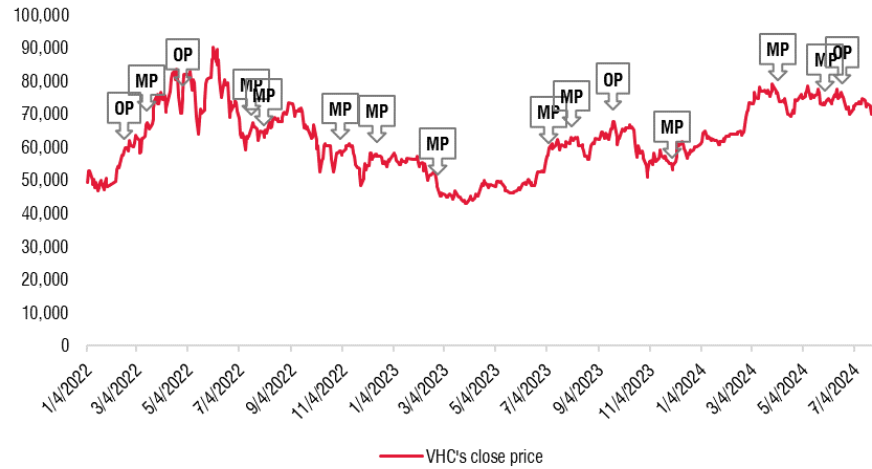
Trong nửa cuối năm 2024, chúng tôi kỳ vọng sản lượng tiêu thụ sẽ tiếp đà tăng trưởng vì giai đoạn tháng 8- tháng 11 là mùa cao điểm xuất khẩu cá tra cùng với kỳ vọng về sự phục hồi tiêu dùng của thị trường Hoa Kỳ. Chúng tôi kỳ vọng giá bán bình quân sẽ cải thiện 10% so với nửa đầu năm 2024 (+15% svck), trong khi chi phí thức ăn thủy sản giảm sẽ giúp cải thiện biên lợi nhuận gộp. Chúng tôi lưu ý rằng giá bột đậu nành, ngô và lúa mì lần lượt giảm 19%, 16% và 17% so với đầu năm sẽ tác động giảm chi phí thức ăn thủy sản trong nửa cuối năm 2024. Do đó, chúng tôi kỳ vọng biên lợi nhuận gộp sẽ cải thiện 700 điểm cơ bản trong nửa cuối năm 2024.

Định giá và luận điểm đầu tư

Đối với năm 2024, chúng tôi kỳ vọng công ty sẽ đạt doanh thu thuần và NPATMI lần lượt là 12,1 nghìn tỷ đồng (+20,4% svck) và 1,24 nghìn tỷ đồng (+34% svck), theo đó doanh thu và NPATMI nửa cuối năm 2024 dự kiến tăng lần lượt là 18,4% và 215% svck. Q4/2023 là thời điểm ghi nhận giá cá tra chạm đáy. Đối với năm 2025, chúng tôi kỳ vọng doanh thu thuần và NPATMI lần lượt đạt 13,7 nghìn tỷ đồng (+13% svck) và 1,6 nghìn tỷ đồng (+29% svck), với giả định sản lượng tiêu thụ cá tra tăng 7% svck và giá bán bình quân đạt 3,45 USD/kg (từ 3,2 USD/kg) trong năm 2024.

Tại mức giá 71.200 đồng/cp, cổ phiếu VHC đang giao dịch với hệ số P/E 2024 và 2025 lần lượt là 12,9x và 10,0x. Chúng tôi áp dụng hệ số P/E lịch sử bình quân 5 năm là 12x để ước tính lợi nhuận cho năm 2025 và đưa ra giá mục tiêu 1 năm là **88.000 đồng/cp** (tiềm năng tăng giá là 23,6%). Do đó, chúng tôi duy trì khuyến nghị **KHẢ QUAN** đối với cổ phiếu VHC.

Lịch sử khuyến nghị



Nguồn: SSI Research

Ghi chú: BUY: Mua, OP: Khả quan, MP: Trung lập, UP: Kém khả quan

PHỤ LỤC: BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM

Tỷ đồng	2022	2023	2024F	2025F
Bảng cân đối kế toán				
+ Tiền và các khoản tương đương tiền	554	233	249	727
+ Đầu tư ngắn hạn	1.767	2.069	2.107	2.107
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	2.432	1.578	1.900	2.148
+ Hàng tồn kho	2.713	3.763	3.761	3.913
+ Tài sản ngắn hạn khác	172	245	295	333
Tổng tài sản ngắn hạn	7.638	7.888	8.313	9.228
+ Các khoản phải thu dài hạn	3	3	3	3
+ GTCL Tài sản cố định	2.823	3.383	3.132	3.303
+ Bất động sản đầu tư	0	0	0	0
+ Tài sản dài hạn dở dang	566	160	566	566
+ Đầu tư dài hạn	66	67	66	66
+ Tài sản dài hạn khác	484	441	471	496
Tổng tài sản dài hạn	3.942	4.054	4.238	4.434
Tổng tài sản	11.580	11.943	12.551	13.662
+ Nợ ngắn hạn	3.694	3.233	3.822	3.644
<i>Trong đó: vay ngắn hạn</i>	<i>2.214</i>	<i>2.157</i>	<i>2.541</i>	<i>2.236</i>
+ Nợ dài hạn	191	119	121	133
<i>Trong đó: vay dài hạn</i>	<i>175</i>	<i>102</i>	<i>102</i>	<i>112</i>
Tổng nợ phải trả	3.884	3.351	3.942	3.777
+ Vốn góp	1.834	1.870	1.834	1.834
+ Thặng dư vốn cổ phần	264	264	264	264
+ Lợi nhuận chưa phân phối	5.428	6.213	6.295	7.526
+ Quý khác	171	244	215	262
Vốn chủ sở hữu	7.696	8.591	8.608	9.885
Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu	11.580	11.943	12.551	13.662
Lưu chuyển tiền tệ				
Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh	1.199	547	777	1.670
Dòng tiền từ hoạt động đầu tư	-1.507	-793	-970	-530
Dòng tiền từ hoạt động tài chính	669	-73	-112	-662
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	361	-319	-305	478
Tiền đầu kỳ	195	553	554	249
Tiền cuối kỳ	554	233	249	727
Các hệ số khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán hiện hành	2,07	2,44	2,18	2,53
Hệ số thanh toán nhanh	1,29	1,2	1,11	1,37
Hệ số thanh toán tiền mặt	0,63	0,71	0,62	0,78
Nợ ròng / EBITDA	0,09	0,01	0,09	-0,04
Khả năng thanh toán lãi vay	24,83	9,59	11,45	16,24
Ngày phải thu	55,8	64,8	53,3	49,3
Ngày phải trả	13,9	16,2	13,4	12,6
Ngày tồn kho	80,1	138,4	122,5	125,3
Cơ cấu vốn				
Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	0,66	0,72	0,69	0,72
Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,34	0,28	0,31	0,28
Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	0,5	0,39	0,46	0,38
Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,31	0,26	0,31	0,24
Nợ ngắn hạn/Vốn chủ sở hữu	0,29	0,25	0,3	0,23

Nguồn: VHC, SSI ước tính

Tỷ đồng	2022	2023	2024F	2025F
Báo cáo kết quả kinh doanh				
Doanh thu thuần	13.239	10.033	12.083	13.659
Giá vốn hàng bán	-10.266	-8.540	-10.166	-11.181
Lợi nhuận gộp	2.974	1.493	1.917	2.478
Doanh thu hoạt động tài chính	459	377	380	372
Chi phí tài chính	-396	-229	-156	-174
Thu nhập từ các công ty liên kết	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	-423	-216	-290	-328
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-298	-308	-350	-396
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	2.317	1.118	1.501	1.953
Thu nhập khác	4	27	18	15
Lợi nhuận trước thuế	2.320	1.145	1.519	1.968
Lợi nhuận ròng	2.015	974	1.279	1.644
Lợi nhuận chia cho cổ đông	1.977	919	1.235	1.597
Lợi ích của cổ đông thiểu số	38	55	44	47
Chỉ số tài chính				
EPS cơ bản (VND)	8.807	4.095	5.501	7.117
Giá trị sổ sách (VND)	40.547	44.725	45.713	52.678
Cổ tức (VND/cổ phiếu)	2.000	2.000	2.000	2.000
EBIT	2.418	1.278	1.665	2.097
EBITDA	2.745	1.681	1.986	2.455
Tăng trưởng				
Doanh thu	46,2%	-24,2%	20,4%	13,0%
EBITDA	70,7%	-38,8%	18,2%	23,6%
EBIT	82,8%	-47,1%	30,2%	25,9%
Lợi nhuận ròng	81,5%	-51,7%	31,3%	28,5%
Vốn chủ sở hữu	30,8%	11,6%	0,2%	14,8%
Vốn điều lệ	0,0%	2,0%	-2,0%	0,0%
Tổng tài sản	32,6%	3,1%	5,1%	8,9%
Định giá				
PE	7,9	18,8	12,9	10,0
PB	2,1	2,1	1,9	1,7
Giá/Doanh thu	9,7	14,4	11	9,7
Tỷ suất cổ tức	2,9%	2,6%	2,8%	2,8%
EV/EBITDA	4,7	8	6,8	5,2
EV/Doanh thu	1	1,3	1,1	0,9
Các hệ số khả năng sinh lời				
Tỷ suất lợi nhuận gộp	22,5%	14,9%	15,9%	18,1%
Tỷ suất lợi nhuận hoạt động	17,6%	12,5%	12,6%	14,3%
Tỷ suất lợi nhuận ròng	15,2%	9,7%	10,6%	12,0%
Chi phí bán hàng/Doanh thu thuần	3,2%	2,2%	2,4%	2,4%
Chi phí quản lý/Doanh thu thuần	2,3%	3,1%	2,9%	2,9%
ROE	29,7%	12,0%	15,7%	17,8%
ROA	19,8%	8,3%	10,6%	12,5%
ROIC	23,5%	10,4%	13,1%	14,9%

CAM KẾT PHÂN TÍCH

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

KHUYẾN NGHỊ

Mua: Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Khả quan: Ước tính tiềm năng tăng giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Trung lập: Ước tính tiềm năng tăng giá tương đương so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Kém khả quan: Ước tính tiềm năng giảm giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Bán: Ước tính tiềm năng giảm giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Trong một số trường hợp, khuyến nghị dựa trên tiềm năng tăng giá 1 năm có thể được điều chỉnh lại theo ý kiến của chuyên viên phân tích sau khi cân nhắc một số yếu tố thị trường có thể làm ảnh hưởng đến giá cổ phiếu trong ngắn hạn và trung hạn.

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ

Các thông tin, tuyên bố, dự báo và dự đoán trong báo cáo này, bao gồm cả các ý kiến đã thể hiện, được dựa trên các nguồn thông tin mà SSI cho là đáng tin cậy, tuy nhiên SSI không đảm bảo sự chính xác và đầy đủ của các thông tin này. Báo cáo không có bất kỳ thông tin nhạy cảm về giá chưa công bố nào. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này được đưa ra sau khi đã được xem xét kỹ càng và cẩn thận và dựa trên thông tin tốt nhất chúng tôi được biết, và theo ý kiến cá nhân của chúng tôi là hợp lý trong các trường hợp tại thời điểm đưa ra báo cáo. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này có thể thay đổi bất kỳ lúc nào mà không cần thông báo. Báo cáo này không và không nên được giải thích như một lời đề nghị hay lời kéo để đề nghị mua hay bán bất cứ chứng khoán nào. SSI và các công ty con và/hoặc các chuyên viên, giám đốc, nhân viên của SSI và công ty con có thể có vị thế hoặc có thể ảnh hưởng đến giao dịch chứng khoán của các công ty được đề cập trong báo cáo này và có thể cung cấp dịch vụ hoặc tìm kiếm để cung cấp dịch vụ ngân hàng đầu tư cho các công ty đó.

Báo cáo này không được sử dụng dưới bất kỳ mục đích thương mại nào, và không được công bố công khai trên báo chí hay bất kỳ phương tiện nào khác nếu không được sự đồng ý của SSI. Người dùng có thể trích dẫn hoặc trình chiếu báo cáo cho các mục đích phi thương mại. SSI có thể có thỏa thuận cho phép sử dụng cho mục đích thương mại hoặc phân phối lại báo cáo với điều kiện người dùng trả phí cho SSI. SSI không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại trực tiếp hay thiệt hại do hậu quả phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hay nội dung báo cáo này. Việc sử dụng bất kỳ thông tin, tuyên bố, dự báo, và dự đoán nào trong báo cáo này sẽ do người dùng tự quyết định và tự chịu rủi ro.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm phân tích và tư vấn đầu tư

Hoàng Việt Phương

Giám đốc Trung Tâm phân tích và tư vấn đầu tư

phuonghv@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8729

Ví mô

Phạm Lưu Hưng

Kinh tế trường

hungpl@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8711

Thái Thị Việt Trinh

Chuyên viên phân tích Ví mô

trinhhtt@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8720

Phân tích Ngành Thủy sản

Trần Thùy Trang, ACA

Chuyên viên Phân tích cao cấp

trangtt2@ssi.com.vn

SĐT: +84 – 24 3936 6321 ext. 8705

Dữ liệu

Nguyễn Thị Anh Thư

Chuyên viên hỗ trợ

thunta2@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8702

Chiến lược thị trường

Nguyễn Quốc Bảo

Chuyên viên cao cấp Chiến lược đầu tư

baongq1@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 28) 3636 3688 ext. 3059

Hồ Hữu Tuấn Hiền, CFA

Chuyên gia Chiến lược đầu tư

hieuhht1@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8704